

Bản án số: 507/2025/DS-PT
Ngày 21/5/2025
V/v “Tranh chấp di sản thừa kế”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Vũ Đức Toàn

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 21 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 947/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024, về việc: “Tranh chấp di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1289/QĐPT, ngày 16 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Thái Văn K (chết ngày 17/6/2020);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K:

- Bà Bùi Thị X, sinh năm 1940; vắng mặt.

- Bà Thái Thị T, sinh năm 1965; vắng mặt.

- Ông Thái Thanh Ph, sinh năm 1975; vắng mặt.

- Ông Thái Văn G, sinh năm 1977; vắng mặt.

- Bà Thái Thị D, sinh năm 1965; vắng mặt.

- Bà Thái Thị Z, sinh năm 1980; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Ấp Thạnh L 1, xã Trung A, huyện Cờ Đ, thành phố

Cần Thơ.

- Ông Thái Văn L, sinh năm 1975; vắng mặt.

- Ông Thái Văn H, sinh năm 1978; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Khu vực Tân L 1, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ.

- Bà Thái Thị H, sinh năm 1983; cư trú tại: Khu vực Tân L 1, phường Tân L, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ; vắng mặt.

- Bà Thái Thị Ph, sinh năm 1983; cư trú tại: 22GUJI-RO, 112 BEON-GIL, GIMHAE-SI, GYEONGSANG NAM-DO (DAESEONG-DONG), KOREA (Hàn Quốc); vắng mặt.

- Bà Thái Thị L, sinh năm 1985; cư trú tại: Tầng 05, số 37 ngõ 14, đường Wufu, quận Wufu, Thành phố Tân Đài Bắc, Đài Loan (Trung Quốc); vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Bùi Thị X, bà Thái Thị Tt, ông Thái Thanh Ph, ông Thái Văn G, bà Thái Thị D, bà Thái Thị Z, ông Thái Văn L, ông Thái Văn H, bà Thái Thị H, bà Thái Thị P, bà Thái Thị L: Bà Thái Thị T, sinh năm 1961; cư trú tại: 200 Khu vực Tân Quới, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

2. Bà Thái Thị T, sinh năm 1961; cư trú tại: 200 Khu vực Tân Q, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Ông Trịnh Hữu B là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Lê K thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ; địa chỉ: Số 116A Tầm V, phường Hưng L, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ; có mặt.

- *Bị đơn.*

1. Ông Thái Văn S (chết ngày 16/4/2021).

Người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông S:

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1950; cư trú tại: Khu vực Tân L, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố cần Thơ; vắng mặt.

- Bà Thái Thị Bích L, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp 2, xã Thới H, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ; vắng mặt.

- Bà Thái Thị Hồng Th, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp Đông Th, xã Đông B, huyện Thới L, thành phố Cần Thơ; vắng mặt.

- Ông Thái Văn Ph, sinh năm 1972; cư trú tại: Khu vực Tân L, 1, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ; vắng mặt.

- Ông Thái Văn G, sinh năm 1976; cư trú tại: Khu vực Tân L, 1, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ; vắng mặt.

- Ông Thái Minh T, sinh năm 1979; cư trú tại: Số 252A đường Bình Trị Đ, phường Bình Trị Đ, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Bà Thái Thị P, sinh năm 1983; cư trú tại: Khu vực Tân L, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ; vắng mặt.

- Bà Thái Thị Cẩm L, sinh năm 1988; cư trú tại: Khu vực Tân L, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ; vắng mặt.

2. Ông Thái Minh T, sinh năm 1976; cư trú tại: Khu vực Tân Q, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964;

2. Bà Nguyễn Thị Ý N, sinh năm 1969;

3. Ông Nguyễn Thành Nh, sinh năm 1970;

4. Ông Nguyễn Tấn K, sinh năm 1971;

Cùng cư trú tại: Khu vực Tân Q, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bà X, bà N, ông Nh: Ông Nguyễn Tấn K; cư trú tại: Khu vực Tân Q, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền; vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1966; địa chỉ: 1048 Chon Buc, Ui Chin Cun, Buc Men, Pucu 3 Ri, Korea; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Hồng: Bà Thái Thị T, sinh năm 1961; cư trú tại: 200 Khu vực Tân Q, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Kim Ph (chết ngày 22/7/2020).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ph.

- Anh Nguyễn Nhựt P, sinh năm 2003; vắng mặt.

- Ông Trần Văn B, sinh năm 1953; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: A12/12A ấp 1, xã Tân K, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của ông B và anh P: Bà Thái Thị T, sinh năm 1961; cư trú tại: 200 Khu vực Tân Q, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ; có mặt.

7. Bà Nguyễn Thị Thu Ng, sinh năm 1981; cư trú tại: A12/12A ấp 1, xã Tân K, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Ng: Ông Nguyễn Tấn K; cư trú tại: Khu vực Tân Q, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền; vắng mặt.

8. Ông Thái Thanh T, sinh năm 1995; vắng mặt.

9. Bà Thái Thị Anh Th, sinh năm 2001; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Khu vực Tân P, phường Thuận H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của ông Th và bà T: Bà Thái Thị T, sinh năm 1961; cư trú tại: 200 Khu vực Tân Q, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

10. Ông Thái Ngọc T sinh năm 1983; vắng mặt.

11. Bà Thái Thị Th, sinh năm 1982; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bà Th: Ông Thái Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Khu vực Tân Q, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ.

12. Ông Thái Văn G, sinh năm 1977; vắng mặt.

13. Bà Thái Thị Thanh T; vắng mặt.

14. Bà Thái Thị Thanh Th; vắng mặt.

15. Đỗ Thị Cẩm H, sinh năm 1977; vắng mặt.

16. Bà Thái Thị Kim H, sinh năm 1998; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Khu vực Tân Q, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* Ông Thái Minh Th, ông Thái Minh T là bị đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn trình bày: Cha của bà T và ông K là ông Thái Văn H (chết năm 1962) và mẹ là bà Lê Thị Ma (chết năm 2003), khi ông bà mất không để lại di chúc. Ông H và bà M có 05 người con là Thái Văn K, Thái Văn S (chết 2022), Thái Văn B (chết năm 2002), Thái Thị T và Thái Thị N (chết năm 2005).

Bà Thái Thị N có 07 người con gồm Nguyễn Thị Thu X, Nguyễn Thị Ý N, Nguyễn Thành Nh Nguyễn Tấn K, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Kim Ph, Nguyễn Thị Thu Ng. (Ông Nguyễn Văn Đ là chồng bà N đã chết năm 2012).

Ông Thái Văn B có 05 người con gồm Thái Minh Th, Thái Thị T, Thái Ngọc T, Thái Thanh T, Thái Thị Anh Th.

Khi mất, cha mẹ nguyên đơn có để lại tài sản gồm: Thừa đất số 176 tờ bản đồ số 07, diện tích 3014m² (đất 2L); thửa đất số 682, 683, 670 và 1315 tờ bản đồ số 05, diện tích 5.550m² (đất T + LNK + LNK + ĐM + ĐM). Một căn nhà nền bê tông, lát gạch bông, vách tường, mái ngói, cột thao lao, diện tích 130m² (6,5m x 20m) thuộc thửa 682. Nay ông bà đồng yêu cầu tách riêng một cái ao cá (diện tích 8,8m x 32m tại thửa 682) và nền nhà (diện tích 11m x 24,5m tại thửa 683) mà cha mẹ đã cho riêng ông bà nhưng chưa tiến hành tách thửa. Phần tài

sản còn lại của cha mẹ để lại, ông bà yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật. Ngoài ra, miếng vườn (diện tích 18m x 29m tại thửa 683) đã được xây cất nhà mồ cho cha mẹ và ông Thái Văn Ba, ông bà yêu cầu giữ nguyên, không phân chia. Và yêu cầu giữ nguyên căn nhà 130m² (6,5m x 20m) của bà Lê Thị Ma hiện đang do Thái Minh Th quản lý, sử dụng làm phủ thờ không được phân chia và giao lại cho ông K làm người trông nom, nhang khói thờ phượng.

Bà Thái Thị T trình bày bổ sung:

Lúc còn sống, mẹ bà là bà M có cho ông K 01 cái ao, năm 2011 ông K bơm cát 7,5 triệu, phần tiền bơm cát này do ông K trả chứ không phải do ông T trả. Năm 1978, bà M có cho bà 01 nền nhà và bà đã bồi đắp ở đến nay, có những hộ lân cận chứng kiến. Vì vậy, bà không đồng ý bồi thường trả lại giá trị nhà cho ông Thái Văn S. Lúc còn sống, bà M đã cho các con mỗi người một nền nhà, ông S đã có 1 nền nhà lớn. Riêng bà Thái Thị N chưa nhận phần đất nào.

Nay bà và ông K yêu cầu tách riêng nền nhà mẹ bà đã cho bà năm 1978 thuộc thửa 683 diện tích ngang 11m x dài 24,5m. Phần nền mộ bà đang quản lý không yêu cầu chia tách thuộc thửa 683. Cái ao của ông Thái Văn K đã bơm cát sát nhà Thái Văn G vẫn ổn định cho ông K hiện đang do Thái Văn G đang quản lý nhưng việc tách thửa giữa ông G và ông K do hai bên thỏa thuận. Và cái ao dính với nhà mồ không yêu cầu chia, bà xin quản lý phần ao này. Phần nhà thờ ông Thà ở từ năm 1984 đến năm 1988 bà M và bà T bỏ tiền ra xây nhà thờ này, khi bà M mất thì ông Th (cháu nội bà M) tiếp tục quản lý nhà thờ nên đề nghị giao nhà thờ này lại cho ông K quản lý làm phủ thờ. Phần nhà thờ diện tích chiều ngang khoảng 8m, dài 24m tại thửa 682. Phần diện tích đất còn lại là phần đất phía sau và phần đất ruộng yêu cầu chia di sản thừa kế.

Bà và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K thống nhất theo kết quả đo đạc thực tế của Hội đồng đo đạc quận Thốt Nốt đối với thửa 1315. Bà Tám đồng ý nhận hết phần đất tại thửa 1315 diện tích 3.300m² đồng ý thôi tiền lại cho những người thừa kế khác.

Bị đơn ông Thái Văn S trình bày:

Trước đây, bà Lê Thị Ma có cho ông 01 nền nhà trên thửa 682, ông đã bồi đắp và sử dụng, đến năm 1981 ông nhượng lại cho em gái là bà Tám sử dụng, bà Tám hứa sẽ trả công bồi đắp cho ông nhưng không thực hiện. Đồng thời, bà Ma cho ông K 01 nền nhà và cho ông K mượn cái ao sau nhà để nuôi cá, cho bà T một bờ có phần mộ của ông bà để trồng cây ăn trái. Sau này, ông K tự ý tách thửa 681 sang cho mình và tiếp tục tách lại cho 02 đứa con là Thái Văn G và Thái Thanh Ph trong đó có thửa 668 mà không thông qua anh chị em cùng hàng thừa kế, việc tách thửa lại lấn hết ra phía sau trong đó có diện tích cây ăn trái của ông Thái Văn Ba và bà Thái Thị T, phần thửa 668 lấn qua thửa 1315 diện tích 430m².

Về yêu cầu phân chia di sản của ông K và bà S, ông không đồng ý vì cha mẹ đã chia đều đất cho các anh chị em, riêng phần bà N có chia nhưng bà Năm

không nhận. Hiện còn lại các thửa 176, 682, 683, 670, 1315 mẹ ông đã chừa lại cho riêng ông Thái Văn Ba.

Nay ông yêu cầu: Đối với phần đất nhà mồ mà bà T yêu cầu giữ lại nhà mồ không yêu cầu chia di sản thừa kế, ông không đồng ý để bà T quản lý mà để các anh em cùng quản lý. Phần đất xung quanh khu vực mộ thống nhất để làm phần đất mộ diện tích 790m² tại thửa để các anh em cùng đứng tên. Việc giao quản lý do bà Tám quản lý. Đối với nền tại thửa 683 diện tích 305,3m² mà bà Tám đang ở ông đồng ý tách nền nhà cho bà T nhưng phải tính vào di sản thừa kế để chia nhưng bà T phải trả lại công bồi đắp, xây dựng ông sẽ bổ sung số tiền yêu cầu bà T sau cho Tòa án. Đối với phần đất ao ông G và ông K quản lý yêu cầu chia di sản thừa kế. Đối với phần nhà thờ ông Th đang quản lý ông đề nghị giao cho ông Th tiếp tục quản lý sử dụng. Ông thống nhất giữ nguyên hiện trạng 3 nền nhà đang ổn định mà ông K, bà T và ông Th đang ở. Ông không lấy phần đất nào để ở, ông chỉ xin nhận giá trị phần di sản thừa kế. Phần của hưởng ông giao lại cho ông Th. Phần cây trên đất ông G đang sử dụng do bà M trông thì yêu cầu chia thừa kế.

Về phần tiền bom cát: Lúc ban đầu ông yêu cầu ông K bom cát. Sau đó ông K tiến hành bom cát, ông Th trả 3 triệu và ông Nguyễn Văn S (chồng bà T) trả 3 triệu và bà Thái Thị T trả 1,5 triệu đồng tiền bom cát. Tổng cộng 7,5 triệu đồng nhưng sau đó ông K không đồng ý cho nên ông K đã trả tiền lại cho ông Th, ông S và bà T. Do nội bộ gia đình có nhiều vấn đề nên phát sinh tranh chấp.

Theo bị đơn ông Thái Minh Th trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Thái Văn S. Riêng phần di sản của cha ông là ông Thái Văn B ông yêu cầu chỉ chia cho ông, ông Th và bà T vì ông Th, bà Anh T đã được cha ông cho riêng một phần nền đất. Ông yêu cầu chia di sản phần nền nhà bà T đang ở tính ra giá trị để chia.

Theo giấy thì đất ruộng 5.500m² nhưng đo đạc thực tế có 3.352m². Ông yêu cầu đo đạc lại phần đất lúa tại thửa 1315 do thửa đất này Hội đồng đo đạc quận Thốt N đo thiếu. Ông xin tiếp tục ở trên phần nhà ông đang ở, đồng ý thôi tiền lại cho các đồng thừa kế khác. Phần đất tại thửa 1315, ông đồng ý đem ra chia thừa kế. Nhận giá trị phần đất tại thửa 1315.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Ki, bà Nguyễn Thị Kim Ph cùng trình bày: Ông bà thống nhất lời trình bày và yêu cầu của ông Thái Văn K và bà Thái Thị T. Từ trước đến nay, ông H và bà M chưa chia tài sản nào cho mẹ ông bà là bà Thái Thị N. Ông bà đồng ý yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế của ông bà ngoại để lại cho mẹ ông bà là bà Thái Thị N để chia cho các anh em ông bà. Ông bà không yêu cầu nhận đất, chỉ nhận giá trị phần di sản thừa kế.

Ông Thái Văn G trình bày: Đất tại thửa 681 và 668 ba ông là ông K đã được bà M cho năm 1990 và đã cho lại ông và đứng tên sử dụng. Phần đất này ông đã thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Phòng giao dịch Thốt N để vay 30 triệu đồng năm 2014. Hiện nay đã thanh toán trả nợ cho ngân hàng xong.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ quyết định:

Căn cứ Điều 675, Điều 676, Điều 677 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 5 Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 93, Điều 146, Điều 147, Điều 158, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Thái Văn K, bà Thái Thị T về việc chia thừa kế của ông Thái Văn H và bà Lê Thị M.

Tài sản chia thừa kế của ông Thái Văn H và bà Lê Thị M được chia 5 kỷ phần; cụ thể phân chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và thừa kế thế vị gồm các con của ông Thái Văn K (11 người gồm: Bùi Thị X, Thái Thị T, Thái Thanh P, Thái Văn G, Thái Thị D, Thái Thị Z, Thái Văn L, Thái Văn H, Thái Thị H, Thái Thị Ph, Thái Thị L); các con của ông Thái Văn S (08 người gồm: Nguyễn Thị B, Thái Thị Bích L, Thái Thị Hồng T, Thái Văn P, Thái Văn G, Thái Minh Th, Thái Thị Ph, Thái Thị Cẩm L); bà Thái Thị T; các con của bà Thái Thị N (7 người gồm: Nguyễn Thị Thu X, Nguyễn Thị Ý N, Nguyễn Thành Nh; Nguyễn Tấn K, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Kim P và Nguyễn Thị Thu Ng); các con của ông Thái Văn B (5 người gồm Thái Thị Thắm, Thái Minh Th, Thái Ngọc Th, Thái Thanh T và Thái Thị Anh T).

Ông Thái Minh Th có trách nhiệm hoàn lại phần giá trị mà các người thừa kế được hưởng, cụ thể gồm:

Ông Thái Minh T có trách nhiệm trả cho những người thừa kế của ông Thái Văn K gồm: (Bùi Thị X, Thái Thị T, Thái Thanh Ph, Thái Văn G, Thái Thị D, Thái Thị D, Thái Văn L, Thái Văn H, Thái Thị H, Thái Thị Ph, Thái Thị L) với tổng số tiền: 184.882.500 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng).

Ông Thái Minh Th có trách nhiệm trả cho những người thừa kế của ông Thái Văn S gồm (Nguyễn Thị B, Thái Thị Bích L, Thái Thị Hồng Th, Thái Văn P, Thái Văn G, Thái Minh Th, Thái Thị P, Thái Thị Cẩm L) với tổng số tiền: 184.882.500 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi hai ngàn năm trăm đồng). Giao số tiền bà L và bà P được hưởng cho bà Nguyễn Thị B quản lý và bà B phải có trách nhiệm giao lại cho bà L và bà P.

Ông Thái Minh Th có trách nhiệm trả cho bà Thái Thị T số tiền: 184.882.500 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng).

Ông Thái Minh Th có trách nhiệm trả cho Thái Thị Th, Thái Ngọc Th, Thái Thanh T và Thái Thị Anh Th mỗi người với số tiền: 36.976.500 đồng (ba mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Ông Thái Minh Th có trách nhiệm trả cho những người thừa kế của bà Thái Thị N gồm (Nguyễn Thị Thu X, Nguyễn Thị Ý N, Nguyễn Thành Nh; Nguyễn Tấn K, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Kim P và Nguyễn Thị Thu Ng với tổng số tiền 184.882.500 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi hai ngàn năm trăm đồng).

Bà Thái Thị T có trách nhiệm hoàn lại phần giá trị mà các người thừa kế được hưởng, cụ thể gồm:

Bà Thái Thị T có trách nhiệm trả cho phần những người thừa kế của ông Thái Văn K gồm (Bùi Thị X, Thái Thị T, Thái Thanh P, Thái Văn G, Thái Thị D, Thái Thị Z, Thái Văn L, Thái Văn H, Thái Thị H, Thái Thị Ph, Thái Thị L) với tổng số tiền: 40.685.360 đồng (Bốn mươi triệu, sáu trăm tám mươi lăm ngàn, ba trăm sáu mươi đồng).

Bà Thái Thị T có trách nhiệm trả cho phần những người thừa kế của ông Thái Văn S gồm (Nguyễn Thị B, Thái Thị Bích L, Thái Thị Hồng T, Thái Văn Ph, Thái Văn G, Thái Minh T, Thái Thị P, Thái Thị Cẩm L) với tổng số tiền: 40.685.360 đồng (Bốn mươi triệu, sáu trăm tám mươi lăm ngàn, ba trăm sáu mươi đồng). Giao số tiền bà L và bà P được hưởng cho bà Nguyễn Thị B quản lý và bà B phải có trách nhiệm giao lại cho bà L và bà Ph.

Bà Thái Thị T có trách nhiệm trả cho Thái Minh T, Thái Thị T, Thái Ngọc Th, Thái Thanh T và Thái Thị Anh Th với tổng số tiền: 40.685.360 đồng (Bốn mươi triệu, sáu trăm tám mươi lăm ngàn, ba trăm sáu mươi đồng).

Bà Thái Thị T có trách nhiệm trả cho những người thừa kế của bà N (Nguyễn Thị Thu X, Nguyễn Thị Ý N, Nguyễn Thành Nh; Nguyễn Tấn K, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Kim Ph và Nguyễn Thị Thu Ng) với tổng số tiền: 40.685.360 đồng (Bốn mươi triệu, sáu trăm tám mươi lăm ngàn, ba trăm sáu mươi đồng).

Công nhận cho ông Thái Minh T được quyền quản lý, sở hữu đối với thửa đất 176 có diện tích 3.276,2 m² đất LUA; thửa đất 1315 có diện tích 3.315,6 m² và thửa đất 670 có diện tích 218,7 m² tại Khu vực Long Thạnh 2, phường Thốt N, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ. (Nay là Khu vực Tân Q, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ) theo bản trích đo địa chính số 46, 47, 49 ngày 18/4/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Công nhận cho ông Thái Minh T được quản lý sử dụng thửa 682¹, có diện tích 206,9m² (ký hiệu 682¹, có 124,44m² là loại đất ODT căn nhà sử dụng làm phủ thờ) theo Bản trích đo địa chính số 13 ngày 05/9/2016 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

Công nhận cho bà Thái Thị T được quản lý sử dụng thửa 682 có diện tích 305,3m² (trong đó có 175,56m² đất ODT) và thửa 683 có diện tích 790,3m²; giao cho bà Thái Thị T quản lý khu mộ xây dựng nằm trên thửa 683, có diện tích 578,1m². Ổn định cho bà T tiếp tục quản lý sở hữu diện tích đất 212,2m² (tại thửa 683) khu vực Tân Q, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ theo Bản trích đo địa chính số 13 ngày 05/9/2016 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

Riêng đối với các tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất nêu trên, ai được quyền sử dụng đất thì tiếp tục được sử dụng các tài sản gắn liền với đất.

2. Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan chức năng để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về thẩm định, đo vẽ, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12/8/2024 ông Thái Minh T và ông Thái Minh Th kháng cáo, ông Th cho rằng khi xét xử không có mặt bà P và bà L là vi phạm và không tính trả tiền bồi đắp nền nhà trị giá 200 triệu đồng là không đúng quy định; còn ông Th cho rằng đã quản lý, sử dụng đất khi nội còn sống nên buộc trả tiền cho các thừa kế khác là không phù hợp, nay ông T cũng không có tiền thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Ông T yêu cầu các đồng thừa kế phải trả công bồi đắp đất trị giá 200 triệu đồng; còn ông Th cho rằng đã ở từ nhỏ và lớn lên cùng cụ M, sau khi cụ M chết ông Th là người quản lý sử dụng các thửa đất trên; nay chia thừa kế các thửa đất trên là không phù hợp vì các con của ông bà nội đã chia đất trước đó, ai cũng có phần. Nay buộc ông Th chia thừa kế cho các đồng thừa kế ông Th không có tiền để thanh toán.

Người bảo vệ quyền lợi cho bà T trình bày: Ông Thức yêu cầu trả công bồi đắp 200 triệu đồng, nhưng không cung cấp được tài liệu bồi đắp nên không chấp nhận là phù hợp; ông Th hiện quản lý 5 thửa đất đang đứng tên cụ M, trước khi chết cụ M không lập di chúc để lại tài cho ai, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định các thửa đất trên là di sản của cụ H, cụ M và chia thừa kế là phù hợp. Đề nghị bác đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng theo quy định; thời hạn kháng cáo đúng luật định. Về nội dung kháng cáo thì thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ; cụ Mạnh sau khi chết năm 2003 thì các thửa đất do ông S và anh Th quản lý, gìn giữ nhưng cấp sơ thẩm chưa tính công sức cho ông Th là chưa phù hợp; cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Th. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Thái Minh T, ông Thái Minh Th đúng theo quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về hàng thừa kế: Cụ Thái Văn H (chết ngày 28/9/1962) và cụ Lê Thị M (chết ngày 11/11/2003) có 05 người con: (1) ông Thái Văn K chết 2020 (ông K có 10 người con: Thái Thị T, Thái Thanh P, Thái Văn G, Thái Thị D, Thái Thị Z, Thái Văn L, Thái Văn H, Thái Thị H, Thái Thị P, Thái Thị L); (2) ông Thái Văn S chết 2020 (ông Sáu có 8 người con: Nguyễn Thị B, Thái Thị Bích L, Thái Thị Hồng Th, Thái Văn P, Thái Văn G, Thái Minh T, Thái Thị P, Thái Thị Cẩm L); (3) ông Thái Văn B chết năm 2002 (ông B có 05 người con: Thái Minh Th, Thái Thị Th, Thái Ngọc Th, Thái Thanh T và Thái Thị Anh T); (4) bà Thái Thị T (5) bà Thái Thị N chết năm 2005 (bà Năm có 07 người con: Nguyễn Thị Thu X, Nguyễn Thị Ý N, Nguyễn Thành Nh; Nguyễn Tân K, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Kim P và Nguyễn Thị Thu Ng).

[4]. Về di sản thừa kế: Theo tài liệu và xác nhận của hai bên đương sự thì cụ Hiệu và cụ Mạnh hiện còn 5 thửa đất, do cụ Mạnh đứng tên QSDĐ gồm thửa đất số 176, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.276,2m² (đất 2L); thửa 1315 tờ bản đồ số 05, diện tích 3.352,6m²; thửa 670, diện tích 218,7m²; thửa 682, diện tích 512,2m², trên đất có căn nhà thờ diện tích 124,44m²; thửa 683, diện tích 790,3m². Trước khi chết hai cụ không để lại di chúc nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định các thửa đất trên là di sản thừa kế của cụ H và cụ M là có cơ sở.

[5]. Xét kháng cáo của ông T yêu cầu hủy bản án sơ thẩm: Ông T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập bà Thái Thị Phụng, Thái Thị Cẩm L là đương sự trong vụ án tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là chưa đủ cơ sở. Vì ông T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho bị đơn ông S cũng xác định không liên lạc và không biết địa chỉ của 2 người em là bà P và bà L đang ở tại Hàn Quốc nên không cung cấp được cho Tòa án; đây là vụ kiện “Tranh chấp di sản thừa kế” ngoài bà P và bà L ra còn có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho bị đơn ông S là Nguyễn Thị B, Thái Thị Bích L, Thái Thị Hồng Th, Thái Văn Ph, Thái Văn G Thái Minh T đã được Tòa án đưa vào tham gia tố tụng giải quyết vụ án là đúng quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án nếu bà P và bà L được hưởng kỹ phần tài sản thừa kế của ông Thái Văn S được chia, thì sẽ tạm giao cho những người sống trong nước quản lý để sau này giao lại cho bà P và bà L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà P và bà L là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6]. Xét kháng cáo của ông T cho rằng ông là người tôn tạo nền nhà tại thửa 682, trị giá 200 triệu đồng nhưng đến nay ông T cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông T là có cơ sở.

[7]. Xét kháng cáo của ông T cho rằng khi còn sống cụ H và cụ M đã chia đất cho các con, trong đó thửa đất 176, 1315, 670 đã chia cho cha của ông là Thái Văn S quản lý, sử dụng khi cụ M còn sống. Tuy nhiên, các thửa đất trên vẫn đứng tên cụ M, đến nay ông Sáu và ông Th cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cụ M đã tặng cho các thửa đất do cụ M đứng tên cho ông Sáu và anh Th nên trình bày ông Th là không có cơ sở.

[8]. Thửa đất 176, diện tích đo đạc thực tế 3.276,2m², loại đất LUA; thửa đất 1315, diện tích 3.352,6m², loại đất LUA; thửa 670, diện tích 218,7m², loại đất HNK ông Th đã quản lý và canh tác sau khi cụ M chết từ năm 2003 cho đến nay. Như vậy, ông Th đã canh tác và thu hoa lợi trên đất cho đến nay và thống nhất giao nhà đất của cụ Hiệu và cụ Mạnh cho ông Th được sở hữu, sử dụng làm nơi phủ thờ, nên Tòa án cấp sơ thẩm không tính công sức, quản lý, gìn giữ đất cho ông Th là phù hợp; anh Th đang quản lý, canh tác các thửa đất trên nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao quyền sử dụng các thửa đất trên và buộc ông Th trả giá trị cho các đồng thừa kế còn lại của cụ H và cụ M là phù hợp.

Các đương sự thống nhất giao cho ông Th sử dụng thửa 682¹, diện tích 206,9m², (ký hiệu thửa 682¹, trong đó có 124,44m², loại đất ODT, trên đất có căn nhà dùng làm phủ thờ). Bà T đang quản lý, sử dụng một phần thửa 682, diện tích 305,3m² và một phần thửa 683, diện tích 212,2m². Do đó, bà T phải hoàn trả giá trị đất cho các đồng thừa kế còn lại của cụ H và cụ M là phù hợp. (Riêng diện tích đất mộ 578,1m², tại một phần thửa 683 các bên thống nhất giao cho bà T quản lý).

[9]. Tại cấp sơ thẩm các đương sự đồng ý với kết quả định giá tài sản ngày 13/7/2016, theo đó đất ở giá 800.000 đồng/m², đất trồng cây lâu năm giá 158.000 đồng/m², đất trồng cây hàng năm giá 135.000 đồng/m². Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho bà T được quyền sử dụng một phần thửa 682, diện tích 305,3m² và một phần thửa 683, diện tích 212,2m²; bà T phải có nghĩa vụ trả lại giá trị những người thừa kế của ông K, bà N, ông S, ông B được hưởng số tiền 40.685.360 đồng. Anh Th được sử dụng thửa 1315, diện tích 3.352,6m²; thửa 176, diện tích 3.276,2m²; thửa 670, diện tích 218,7m²; anh Th phải có nghĩa vụ trả lại giá trị những người thừa kế của ông K, bà N ông B, bà T được hưởng số tiền 184.882.500 đồng và hoàn trả cho những người thừa kế của ông B gồm bà T, ông Th, ông T và bà T mỗi người với số tiền 36.976.500đồng.

Tại cấp phúc thẩm ông Th cho rằng không có tiền để hoàn trả cho các đồng thừa kế thì các đồng thừa kế được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ phát mãi bán các thửa đất 176, loại đất LUA; thửa đất 1315, loại đất LUA; thửa 670, loại đất HNK; sau khi khấu trừ các chi phí, số tiền còn lại chia 1/5 cho các thừa kế ông K, ông S, ông B, bà T, bà N.

[9]. Tại cấp phúc thẩm ông T và ông Th là người kháng cáo nhưng không

cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo; Hội đồng xét xử thấy lời trình bày của ông T và ông Th là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận. Bác đơn kháng cáo của ông Thức và ông Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông T và ông Th phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Thái Văn T và ông Thái Văn Th; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ như sau:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 93, Điều 146, Điều 147, Điều 158, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 675, Điều 676, Điều 677 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị T, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Thái Văn K, về việc chia thừa kế của cụ Thái Văn H và cụ Lê Thị M.

Tài sản chia thừa kế của ông Thái Văn H và bà Lê Thị M được chia 5 kỷ phần; cụ thể phân chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và thừa kế thế vị gồm các con của ông Thái Văn K (11 người gồm: Bùi Thị X, Thái Thị T, Thái Thanh P, Thái Văn G, Thái Thị D, Thái Thị Z, Thái Văn L, Thái Văn H, Thái Thị H, Thái Thị Ph, Thái Thị L); các con của ông Thái Văn S (08 người gồm: Nguyễn Thị B, Thái Thị Bích L, Thái Thị Hồng Th, Thái Văn P, Thái Văn G, Thái Minh Th, Thái Thị P, Thái Thị Cẩm L); bà Thái Thị T; các con của bà Thái Thị N (7 người gồm: Nguyễn Thị Thu X, Nguyễn Thị Ý N, Nguyễn Thành Nh; Nguyễn Tấn K, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Kim Ph và Nguyễn Thị Thu Ng); các con của ông Thái Văn B (5 người gồm Thái Thị T, Thái Minh Th, Thái Ngọc Th, Thái Thanh Th và Thái Thị Anh T).

* Ông Thái Minh Th có trách nhiệm hoàn lại phần giá trị mà các người thừa kế được hưởng, cụ thể gồm:

Ông Thái Minh Th có trách nhiệm trả cho những người thừa kế của ông Thái Văn K gồm: (Bùi Thị X, Thái Thị T, Thái Thanh P, Thái Văn G, Thái Thị D, Thái Thị Z, Thái Văn L, Thái Văn H, Thái Thị H, Thái Thị Ph, Thái Thị L) với tổng số tiền: 184.882.500 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng).

Ông Thái Minh Th có trách nhiệm trả cho những người thừa kế của ông Thái Văn S gồm (Nguyễn Thị B, Thái Thị Bích L, Thái Thị Hồng Th, Thái Văn P, Thái Văn G, Thái Minh Th, Thái Thị P, Thái Thị Cẩm L) với tổng số tiền: 184.882.500 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi hai ngàn năm trăm đồng). Giao số tiền bà L và bà P được hưởng cho bà Nguyễn Thị B quản lý và bà Bảy phải trách nhiệm giao lại cho bà L và bà Ph.

Ông Thái Minh Thà có trách nhiệm trả cho bà Thái Thị Tám số tiền: 184.882.500 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng).

Ông Thái Minh Th có trách nhiệm trả cho Thái Thị Th, Thái Ngọc Th, Thái Thanh T và Thái Thị Anh T mỗi người với số tiền: 36.976.500 đồng (ba mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm đồng).

Ông Thái Minh Th có trách nhiệm trả cho những người thừa kế của bà Thái Thị N gồm (Nguyễn Thị Thu X, Nguyễn Thị Ý N, Nguyễn Thành Nh; Nguyễn Tấn K, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Kim Ph và Nguyễn Thị Thu Ng với tổng số tiền 184.882.500 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi hai ngàn năm trăm đồng).

- Ông Thái Minh Th sau khi hoàn trả tiền cho những người được hưởng trên, ông Thái Minh Thà được quyền sử dụng thửa đất 176, diện tích 3.276,2m² đất LUA; thửa đất 1315, diện tích 3.315,6m² và thửa đất 670, diện tích 218,7m² tại khu vực Long Thạnh 2, phường Thốt N, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ. (Nay là Khu vực Tân Q, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ) theo bản trích đo địa chính số 46, 47, 49 ngày 18/4/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Thốt N, thành phố Cần Thơ.

- Trường hợp ông Thái Minh Th không có tiền để hoàn trả cho các đồng thừa kế thì các đồng thừa kế được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ phát mãi bán các thửa đất 176, loại đất LUA; thửa đất 1315, loại đất LUA; thửa 670, loại đất HNK; sau khi khấu trừ các chi phí, số tiền còn lại chia 1/5 cho các thừa kế ông K, ông S, ông B, bà T, bà N.

- Công nhận cho ông Thái Minh Th được quản lý, sử dụng thửa 682¹, có diện tích 206,9m² (ký hiệu 682¹, có 124,44m² là loại đất ODT căn nhà sử dụng làm phủ thờ) theo Bản trích đo địa chính số 13 ngày 05/9/2016 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

* Bà Thái Thị T có trách nhiệm hoàn lại phần giá trị mà các người thừa kế được hưởng, cụ thể gồm:

Bà Thái Thị T có trách nhiệm trả cho phần những người thừa kế của ông Thái Văn K gồm (Bùi Thị X, Thái Thị T, Thái Thanh P, Thái Văn G, Thái Thị D, Thái Thị Z, Thái Văn L, Thái Văn H, Thái Thị H, Thái Thị Ph, Thái Thị L) với tổng số tiền: 40.685.360 đồng (Bốn mươi triệu, sáu trăm tám trăm năm mươi, ba trăm sáu mươi đồng).

Bà Thái Thị T có trách nhiệm trả cho phần những người thừa kế của ông Thái Văn S gồm (Nguyễn Thị B, Thái Thị Bích L, Thái Thị Hồng Th, Thái Văn P, Thái Văn G, Thái Minh Th, Thái Thị Ph, Thái Thị Cẩm L) với tổng số tiền: 40.685.360 đồng (Bốn mươi triệu, sáu trăm tám trăm năm mươi, ba trăm sáu mươi đồng). Giao số tiền bà L và bà P được hưởng cho bà Nguyễn Thị B quản lý và bà B phải có trách nhiệm giao lại cho bà L và bà Ph.

Bà Thái Thị T có trách nhiệm trả cho Thái Minh Th, Thái Thị T, Thái Ngọc Th, Thái Thanh T và Thái Thị Anh Th với tổng số tiền: 40.685.360 đồng (Bốn mươi triệu, sáu trăm tám trăm năm mươi, ba trăm sáu mươi đồng).

Bà Thái Thị T có trách nhiệm trả cho những người thừa kế của bà N (Nguyễn Thị Thu X, Nguyễn Thị Ý N, Nguyễn Thành Nh; Nguyễn Tấn K, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Kim P và Nguyễn Thị Thu Ng) với tổng số tiền: 40.685.360 đồng (Bốn mươi triệu, sáu trăm tám trăm năm mươi, ba trăm sáu mươi đồng).

- Bà Thái Thị T sau khi hoàn trả tiền cho những người được hưởng trên, bà Thái Thị Tám được quyền sử dụng thửa 682 có diện tích 305,3m² (trong đó có 175,56m² đất ODT) và một phần thửa 683, diện tích 212,2m². Theo Bản trích đo địa chính số 13 ngày 05/9/2016 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

- Giao cho bà Thái Thị T quản lý khu mộ diện tích 578,1m², tại một phần thửa 683, khu vực Tân Q, phường Tân H, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ.

* Tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất nêu trên, ai được quyền sử dụng đất thì tiếp tục được sử dụng các tài sản gắn liền với đất.

2. Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan chức năng để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí đo đạc thẩm định: Bà Thái Thị T, ông Thái Văn K, ông Thái Văn S các con của bà N (Nguyễn Thị Thu X, Nguyễn Thị Ý N, Nguyễn Thành Nh; Nguyễn Tấn K, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Kim Ph và Nguyễn Thị Thu Ng), các con của ông B (Thái Minh Th, Thái Thị T, Thái Ngọc Th, Thái Thanh T và Thái Thị Anh Th) mỗi người phải chịu là 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm ngàn đồng). Bà Thái Thị T đã nộp tạm ứng 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng), nên ông Thái Văn K có trách nhiệm trả cho bà Thái Thị T 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm ngàn đồng); các con bà N (Nguyễn Thị Thu X, Nguyễn Thị Ý N, Nguyễn Thành Nh; Nguyễn Tấn K, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Kim Ph và Nguyễn Thị Thu Ng) trả cho bà Thái Thị T 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm ngàn đồng); ông Thái Văn S trả cho bà Thái Thị T 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng).

Ông Thái Minh Th đã tạm ứng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) nên Thái Thị T Thái Ngọc Th, Thái Thanh Th và Thái Thị Anh Th phải trả lại cho ông Thái Minh Th 1.840.000 đồng (Một triệu, tám trăm bốn mươi ngàn đồng); ông Thái Văn S trả cho bà Thái Minh Th 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm ngàn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Những người kế thừa của ông Thái Văn S phải chịu án phí là 12.153.000 đồng (Mười hai triệu, một trăm năm mươi ba ngàn đồng); những người kế thừa của ông Thái Văn B phải chịu án phí là 12.153.000 đồng (Mười hai triệu, một trăm năm mươi ba ngàn đồng); những người kế thừa của ông Thái Văn K phải chịu án phí là 12.153.000 đồng (Mười hai triệu, một trăm năm mươi ba ngàn đồng) và những người kế thừa của bà Thái Thị N phải chịu án phí là 12.153.000 đồng (Mười hai triệu, một trăm năm mươi ba ngàn đồng). Miễn án phí cho bà T.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Thái Văn T nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000586 ngày 12/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Ông Thái Văn Th nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000585 ngày 12/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Cục THADS TP. Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS, NTPP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý